

Số: /KH-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026
của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn
thi hành Luật Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

Thực hiện Luật Dân số số 113/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội; Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số; Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ đối với tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định một số chức danh, số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và mức phụ cấp, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành trên địa bàn thành phố.
- Cụ thể hóa các nhiệm vụ của địa phương theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; xác định rõ nội dung công việc, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Bảo đảm các chính sách hỗ trợ về dân số được triển khai đúng đối tượng, đúng điều kiện, đúng mức, đúng thẩm quyền; công khai, minh bạch, thuận tiện cho người dân và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trong thực hiện chính sách dân số và phát triển; góp phần duy trì mức sinh thay thế, nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số và tăng cường chăm sóc người cao tuổi.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân thành phố; phát huy vai trò chủ trì của Sở Y tế và sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Các nhiệm vụ phải gắn với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức, lãng phí.

- Bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; những nội dung đã được cụ thể tại Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các Thông tư, Quyết định hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, kịp thời giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH VÀ ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

1.1. Nội dung

- Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn thi hành và các chính sách của thành phố về dân số.

- Nội dung, hình thức tuyên truyền thực hiện theo khoản 1 Mục II Phụ lục Danh mục nhiệm vụ tổ chức thi hành Luật Dân số và Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế; phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố và từng nhóm đối tượng, địa bàn.

- Tập trung tuyên truyền về:

+ Chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con;

+ Chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh;

+ Chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng;

+ Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số;

+ Các chính sách của thành phố quy định tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

+ Quyền, nghĩa vụ của cá nhân, gia đình và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện chính sách dân số.

1.2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026.

2. Hỗ trợ tài chính khi sinh con

2.1. Đối tượng, điều kiện và thời điểm thực hiện

a) Phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chính sách này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

b) Phụ nữ ở tỉnh, thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế

- Đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc xác định tình trạng mức sinh thực hiện theo khoản 4 Điều 14 Luật Dân số; thời điểm áp dụng chính sách thực hiện theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.

c) Phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi

- Đối tượng, điều kiện và trình tự, thủ tục thực hiện theo điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đồng thời, thực hiện chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố: hỗ trợ một lần bằng tiền 3.000.000 đồng đối với phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi có đăng ký thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

- Trường hợp đồng thời thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND thì thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và quy định của Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND, bảo đảm người thụ hưởng được hưởng một mức hỗ trợ theo quy định, không chi trùng chính sách.

- Chính sách quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 theo khoản 2 Điều 14 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP. Chính sách hỗ trợ theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND được thực hiện trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực.

2.2. Mức hỗ trợ

- Đối với phụ nữ dân tộc thiểu số rất ít người: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

- Tại Hải Phòng áp dụng khi thành phố có mức sinh dưới mức sinh thay thế: thực hiện mức hỗ trợ tối thiểu 2.000.000 đồng/phụ nữ khi sinh con theo điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, kể từ thời điểm chính sách có hiệu lực.

- Đối với phụ nữ sinh đủ 02 con trước 35 tuổi: thực hiện mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/lần theo Điều 3 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND; trường hợp có quy định mới của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

2.3. Trình tự, thủ tục

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ thông tin từ hệ thống liên thông thủ tục đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các cơ sở dữ liệu có sẵn để quyết định hỗ trợ kinh phí và thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con cùng với thời điểm đăng ký khai sinh theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin, bảo đảm chỉ đúng đối tượng, đúng điều kiện, không trùng lặp và không bỏ sót đối tượng.

3. Hỗ trợ khám sàng lọc một số bệnh bẩm sinh trước sinh và sơ sinh

3.1. Phạm vi, đối tượng

Phạm vi bệnh, đối tượng khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3.2. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh, sơ sinh thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; trong đó:

- Sàng lọc trước sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 900.000 đồng/trường hợp;

- Sàng lọc sơ sinh: thanh toán theo thực tế nhưng tối đa không quá 600.000 đồng/trường hợp.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt giá gói dịch vụ thì thực hiện mức hỗ trợ theo giá gói dịch vụ được phê duyệt.

3.3. Lộ trình thực hiện

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh thuộc các đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP được sử dụng miễn phí gói dịch vụ theo Điều 9 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và được hưởng mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027: Tất cả phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh được hưởng hỗ trợ gói dịch vụ theo Điều 9 và điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP từ nguồn kinh phí quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

3.4. Phương thức thực hiện

- Phương thức chi trả và tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sở Y tế chủ trì tham mưu, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách

nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.

- Việc đào tạo, hỗ trợ và chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo các nhiệm vụ tại điểm 3.2 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT; các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và Quyết định số 2037/QĐ-BYT, Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng

4.1. Chăm sóc người cao tuổi tại nhà

Nội dung chăm sóc, người thực hiện chăm sóc và các điều kiện liên quan thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

Việc tập huấn, hướng dẫn chuyên môn thực hiện theo điểm 3.1 Mục II Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT và Quyết định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Y tế.

4.2. Chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

a) Câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng

- Hình thức tổ chức và nội dung hoạt động thực hiện theo Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Việc thành lập, duy trì và hoạt động của câu lạc bộ thực hiện theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

b) Điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng

- Việc tổ chức, địa điểm, nội dung chăm sóc và người thực hiện chăm sóc thực hiện theo Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm y tế cấp xã theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

c) Người thực hiện chăm sóc

Tình nguyện viên, người làm chuyên môn tại trạm y tế cấp xã, cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, nhân viên công tác xã hội thực hiện nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; việc tập huấn thực hiện theo khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ trưởng Bộ Y tế.

5. Chính sách, chế độ đối với cộng tác viên dân số

5.1. Đối tượng và nhiệm vụ

Cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các tiêu chuẩn, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định, hướng dẫn.

5.2. Chế độ thù lao hằng tháng

- Mức thù lao hằng tháng đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo khoản 2 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Đối với cộng tác viên dân số tại thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo Phụ lục 2 và Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố.

5.3. Chính sách hỗ trợ cộng tác viên dân số tiêu biểu

Ngoài chế độ thù lao hằng tháng theo quy định, thực hiện chính sách hỗ trợ hằng năm 2.000.000 đồng/cộng tác viên/xã, phường, đặc khu đối với cộng tác viên dân số đạt các tiêu chí quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

5.4. Việc bố trí, quản lý và phân công

Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ kiêm nhiệm và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo Điều 3, Điều 4 và Phụ lục 2, Phụ lục 3 Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận, phân công cộng tác viên dân số phụ trách địa bàn theo thẩm quyền; chỉ đạo trạm y tế cấp xã hướng dẫn chuyên môn, theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả hoạt động.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tổ chức quán triệt, phổ biến, tuyên truyền chính sách, pháp luật về dân số

- Tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT, các Nghị quyết có liên quan của Hội đồng nhân dân thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành đến các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chính sách dân số; chú trọng chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi và hoạt động của cộng tác viên dân số.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, bảo đảm thiết thực, dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng, địa bàn và điều kiện thực tế của thành phố.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan thông tin, báo chí và đội ngũ cộng tác viên dân số trong công tác tuyên truyền, vận động.

2. Rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện các quy định

- Rà soát các văn bản, chính sách của thành phố có liên quan đến Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế những nội dung không còn phù hợp.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Quyết định số 2141/QĐ-BYT và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Thực hiện các nội dung chuyên môn theo hướng dẫn của Bộ Y tế, trong đó tập trung triển khai các nội dung đã được ban hành, hướng dẫn tại: Quyết

định số 1976/QĐ-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng; Quyết định số 2037/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phân công phạm vi phụ trách và nhiệm vụ thực hiện sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh của các Trung tâm sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh khu vực; Quyết định số 2040/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ xây dựng chương trình đào tạo về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; và Thông tư số 12/2026/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Danh mục bệnh bẩm sinh cần sàng lọc trước sinh và sơ sinh; đồng thời tổ chức thực hiện các văn bản hướng dẫn chuyên môn khác có liên quan do Bộ Y tế ban hành, bảo đảm thống nhất, đúng quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của thành phố.

- Đối với những nội dung đã được quy định cụ thể tại văn bản của Trung ương, thực hiện theo đúng quy định, không đặt thêm điều kiện, thành phần hồ sơ hoặc thủ tục ngoài quy định.

- Chủ động cập nhật, tham mưu điều chỉnh việc tổ chức thực hiện khi có văn bản pháp luật, hướng dẫn mới được ban hành.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh con

- Triển khai chính sách hỗ trợ sinh con theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời điểm thực hiện theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ của thành phố theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Bảo đảm việc thực hiện các chính sách hỗ trợ thống nhất, không trùng lặp, chồng chéo; trường hợp đồng thời thuộc nhiều chính sách thì thực hiện theo nguyên tắc và điều kiện của từng chính sách.

- Khai thác, kết nối, đối soát thông tin từ hệ thống đăng ký khai sinh, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên VNeID và các cơ sở dữ liệu có liên quan để phục vụ xác định đối tượng và thực hiện chi trả.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc xét duyệt và chi trả; kịp thời phát hiện, xử lý và thu hồi các khoản hỗ trợ chi không đúng đối tượng, điều kiện theo quy định.

4. Đẩy mạnh sàng lọc trước sinh và sơ sinh

- Tổ chức thực hiện các nội dung về sàng lọc trước sinh, sơ sinh theo Điều 9, Điều 10 và Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Củng cố mạng lưới cơ sở thực hiện sàng lọc; tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật và nâng cao năng lực chuyên môn theo quy định.

- Thực hiện hỗ trợ chi phí sàng lọc theo đúng đối tượng, phạm vi, mức hỗ trợ và nguồn kinh phí của từng giai đoạn.

- Chủ động chuẩn bị nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện cần thiết để triển khai chính sách theo lộ trình từ năm 2027.

- Tăng cường kiểm tra chất lượng dịch vụ, theo dõi kết quả sàng lọc và tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện.

5. Chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng

- Tổ chức thực hiện các hình thức chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Căn cứ điều kiện thực tế, tổ chức các hoạt động, mô hình, câu lạc bộ và điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng phù hợp với nhu cầu của người dân.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, lập và quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi.

- Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, Hội Người cao tuổi, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

- Lồng ghép các nguồn lực, chương trình, chính sách của thành phố để nâng cao hiệu quả chăm sóc người cao tuổi tại cơ sở.

6. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của cộng tác viên dân số

- Thực hiện các quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, đào tạo, tập huấn và chế độ đối với cộng tác viên dân số theo Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Bố trí, quản lý cộng tác viên dân số phù hợp với số lượng, chức danh và mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm của cộng tác viên dân số.

- Phát huy vai trò của cộng tác viên dân số trong tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin và hỗ trợ triển khai chính sách dân số tại cộng đồng.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo quy định.

7. Bảo đảm nguồn lực thực hiện

- Chủ động cân đối, bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch.

- Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh, chăm sóc người cao tuổi, đào tạo, tập huấn và truyền thông về dân số.

- Chủ động chuẩn bị nguồn lực thực hiện chính sách sàng lọc từ năm 2027 theo quy định tại Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các chương trình, kế hoạch có liên quan.

- Lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình, đề án, dự án và nguồn hợp pháp khác; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

8. Tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát

- Phân công rõ trách nhiệm của từng sở, ban, ngành, địa phương; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tại cơ sở, nhất là việc xác định đối tượng, chi trả hỗ trợ, cung cấp dịch vụ và quản lý, sử dụng kinh phí.
- Kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp thực hiện chưa đúng quy định.
- Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện, xác định những vấn đề còn khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ.

9. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Chủ động tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện; đề xuất cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, giải quyết.
- Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện trên địa bàn thành phố; báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.
- Thường xuyên cập nhật, đánh giá kết quả thực hiện để tham mưu điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

- Kinh phí hỗ trợ tài chính khi sinh con thực hiện theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.
- Kinh phí hỗ trợ khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.
- Kinh phí thực hiện chăm sóc người cao tuổi, trong đó có hoạt động của điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng, thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.
- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP; Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND và Điều 6, Điều 7 Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

2. Lập, phân bổ và sử dụng kinh phí

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động lập dự toán kinh phí hàng năm, gửi cơ quan có thẩm quyền tổng hợp, xem xét,

bố trí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo khoản 3 Mục III Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 2141/QĐ-BYT.

- Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn chuyên môn về Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chủ trì rà soát, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính khi sinh con; phối hợp các cơ quan liên quan bảo đảm kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ xác định đối tượng thụ hưởng.

- Chủ trì tham mưu tổ chức thực hiện chính sách sàng lọc trước sinh, sơ sinh; hướng dẫn các cơ sở y tế chuẩn bị điều kiện chuyên môn, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị; tham mưu phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu theo quy định.

- Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai chăm sóc người cao tuổi tại nhà và tại cộng đồng theo Điều 4 đến Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn thực hiện chế độ đối với cộng tác viên dân số; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ trì rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành cơ chế, chính sách về dân số thuộc thẩm quyền của thành phố khi cần thiết.

- Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Y tế theo quy định.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định; hướng dẫn các đơn vị việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

3. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu về tổ chức bộ máy, nhân lực thực hiện công tác dân số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Phối hợp hướng dẫn việc thực hiện các quy định liên quan đến người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND.

4. Sở Tư pháp

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số; rà soát tính thống nhất, đồng bộ của các văn bản có liên quan.
- Phối hợp rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của thành phố không còn phù hợp với Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và văn bản pháp luật mới ban hành.

5. Công an thành phố

- Chỉ đạo Công an cấp xã bảo đảm dữ liệu dân cư chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ xác định đối tượng thụ hưởng.
- Phối hợp với Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị liên quan trong khai thác, sử dụng dữ liệu dân cư, dữ liệu định danh điện tử phục vụ thực hiện chính sách theo quy định của pháp luật về dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các phương tiện truyền thông đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách dân số.
- Phối hợp cung cấp, phổ biến các tài liệu truyền thông về hỗ trợ tài chính khi sinh con, sàng lọc trước sinh, sơ sinh và chăm sóc người cao tuổi.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố, xây dựng kế hoạch hoặc tổ chức triển khai các nhiệm vụ phù hợp với tình hình thực tế địa phương; phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, đơn vị.
- Thực hiện hỗ trợ tài chính khi sinh con theo Điều 3 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và chính sách của thành phố; bảo đảm đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ, không trùng lặp, không bỏ sót đối tượng.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng thuộc trạm y tế cấp xã theo khoản 3 Điều 7 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, căn cứ tình hình, điều kiện thực tế của địa phương.
- Tổ chức, duy trì hoạt động câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng theo Điều 5, Điều 6 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.
- Chỉ đạo Trạm y tế cấp xã tổ chức chăm sóc người cao tuổi tại nhà, tại

cộng đồng; tập huấn, hướng dẫn tình nguyện viên và các đối tượng tham gia chăm sóc theo Điều 8 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.

- Thực hiện việc công nhận, phân công, quản lý, đánh giá cộng tác viên dân số theo quy định; thực hiện chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND và Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.

- Chủ động bố trí, quản lý và sử dụng kinh phí được giao; huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

8. Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng; các cơ quan báo chí, truyền thông trên địa bàn thành phố

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tuyên truyền đầy đủ, chính xác các quy định của Luật Dân số, Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND và các văn bản có liên quan.

- Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông; ưu tiên nội dung thiết thực, dễ hiểu, dễ tiếp cận, góp phần tạo đồng thuận xã hội trong thực hiện chính sách dân số.

9. Hội Người cao tuổi thành phố

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, người cao tuổi thực hiện các chính sách về dân số và chăm sóc người cao tuổi.

- Phối hợp hướng dẫn Hội Người cao tuổi cấp xã duy trì, phát triển câu lạc bộ chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, trạm y tế cấp xã và các cơ quan liên quan rà soát nhu cầu chăm sóc người cao tuổi, huy động nguồn lực xã hội hợp pháp.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức thành viên phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chính sách dân số.

- Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; kịp thời phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đối với việc thực hiện chính sách.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng theo quy định của pháp luật.

11. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch; lồng ghép các nhiệm vụ về dân số với chương trình, đề án, kế hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP

trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu nghiêm túc triển khai thực hiện; bảo đảm các chính sách dân số được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng quy định, hiệu quả, thiết thực.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính Phủ;
- Văn phòng Chính Phủ;
- Bộ Y tế;
- TT TU, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- UBND TP Hải Phòng;
- Các sở, ban, ngành TP;
- Hội Người cao tuổi thành phố;
- Báo và PTTH Hải Phòng;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, PCVP Nguyễn Thanh Hùng;
- Các phòng: VX, NV&KTGS;
- Lưu: VT, T. V. Hải.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Trọng Đức

Phụ lục
CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn có liên quan trên địa bàn thành phố.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
2	Hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện các chính sách về dân số theo quy định của Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
3	Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh con theo đúng đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ và thời điểm áp dụng quy định.	Sở Y tế	Công an thành phố, Sở Tài chính, UBND cấp xã	Theo quy định
4	Hướng dẫn triển khai sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo quy định của Nghị định số 168/2026/NĐ-CP và hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.	Sở Y tế	Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ	Thường xuyên
5	Tổ chức đào tạo, tập huấn và chuyển giao kỹ thuật về sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh cho các cơ sở y tế theo hướng dẫn của Bộ Y tế.	Sở Y tế	Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ	Theo hướng dẫn
6	Hướng dẫn triển khai chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng theo quy định và hướng	Sở Y tế	UBND cấp xã, Hội Người cao tuổi thành phố	Thường xuyên

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.			
7	Hướng dẫn nghiệp vụ, tập huấn và thực hiện chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số.	Sở Y tế	Sở Nội vụ, UBND cấp xã	Theo quy định
8	Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; tham mưu xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Hằng năm
9	Tham mưu bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định hiện hành.	Sở Tài chính	Sở Y tế, UBND cấp xã	Hằng năm
10	Bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo quy định về nguồn và mức hỗ trợ.	Sở Tài chính	Sở Y tế	Theo quy định
11	Phối hợp phổ biến, tuyên truyền các quy định của pháp luật về dân số và chính sách dân số đến cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.	Sở Tư pháp	Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Thường xuyên
12	Tham gia rà soát, góp ý các văn bản của thành phố liên quan đến việc triển khai Nghị định số 168/2026/NĐ-CP.	Sở Tư pháp	Sở Y tế, các sở, ban, ngành	Theo yêu cầu
13	Phối hợp khai thác, đối soát thông tin dân cư phục vụ xác định đối tượng thực hiện chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh con.	Công an thành phố	Sở Y tế, UBND cấp xã	Theo quy định
14	Phối hợp bảo đảm việc quản lý, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ thực hiện chính sách dân số.	Công an thành phố	Sở Y tế, UBND cấp xã	Thường xuyên

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
15	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức truyền thông phù hợp.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Y tế, Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng	Thường xuyên
16	Phối hợp tuyên truyền, vận động thực hiện chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Y tế, Hội Người cao tuổi	Thường xuyên
17	Phối hợp hướng dẫn bố trí người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và cộng tác viên dân số theo quy định của thành phố.	Sở Nội vụ	Sở Y tế, UBND cấp xã	Theo quy định
18	Phối hợp thực hiện chế độ, chính sách đối với cộng tác viên dân số theo quy định.	Sở Nội vụ	Sở Y tế, Sở Tài chính, UBND cấp xã	Theo quy định
19	Phối hợp cung cấp, xác nhận thông tin về thành tích, giải thưởng của học sinh phục vụ thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã, Sở Y tế	Hằng năm
20	Rà soát, xác định đối tượng và điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh con.	UBND cấp xã	Sở Y tế, Công an thành phố	Theo quy định
21	Thực hiện chi trả chính sách hỗ trợ phụ nữ sinh con đúng đối tượng, mức hỗ trợ và thời điểm theo quy định.	UBND cấp xã	Sở Y tế, Công an thành phố, Sở Tài chính	Theo quy định
22	Thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích thực hiện tốt công tác dân số theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.	UBND cấp xã	Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo	Hằng năm
23	Tổ chức các hoạt động chăm sóc người cao tuổi tại cộng đồng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.	UBND cấp xã	Sở Y tế, Hội Người cao tuổi thành phố	Thường xuyên

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
24	Căn cứ điều kiện thực tế, tổ chức điểm chăm sóc người cao tuổi ban ngày tại cộng đồng.	UBND cấp xã	Sở Y tế	Từ năm 2027
25	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và lập, quản lý hồ sơ sức khỏe người cao tuổi.	UBND cấp xã	Trạm Y tế, Hội Người cao tuổi	Hàng năm
26	Bố trí, quản lý và phân công nhiệm vụ đối với cộng tác viên dân số theo quy định của Trung ương và thành phố.	UBND cấp xã	Sở Y tế, Sở Nội vụ	Theo quy định
27	Thực hiện chi trả phụ cấp, hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số theo quy định.	UBND cấp xã	Sở Tài chính, Sở Y tế	Hàng tháng
28	Rà soát, đề xuất và thực hiện hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số tiêu biểu theo Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐND.	UBND cấp xã	Sở Y tế	Hàng năm
29	Cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh theo phạm vi chuyên môn được giao và hướng dẫn của Bộ Y tế.	Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ	Sở Y tế	Thường xuyên
30	Bảo đảm chất lượng dịch vụ sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh; thực hiện theo dõi, quản lý và báo cáo kết quả theo quy định chuyên môn.	Các cơ sở y tế được giao nhiệm vụ	Sở Y tế	Thường xuyên